

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 40/2022/QĐST-HNGĐ

Biên Hòa, ngày 10 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 2252/2021/TLST-HNGĐ ngày 23/12/2021 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu:**

1. Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1985.
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Nh, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ cư trú: Khu phố A, phường L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 07 tháng 12 năm 2021, ông T và bà Nh cùng nộp đơn yêu cầu “công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung”. Quá trình vận động hòa giải, ông T, bà Nh thống nhất không hòa giải đoàn tụ; Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận thuận tình ly hôn vào ngày 31/12/2021. Ông T, bà Nh cùng cư trú tại phường L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và đã nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự; Do đó, đơn yêu cầu của ông T, bà Nh được Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung đơn yêu cầu:

Bà Nguyễn Thị Tuyết Nh và ông Nguyễn Anh T chung sống với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã X, huyện Th, tỉnh Đ

cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 51, quyển số 01 ngày 28/6/2012. Ông T và bà Nh có 02 con chung là Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 19/5/2013 và Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 25/01/2015. Ông T, bà Nh thống nhất giao cháu K cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu H cho bà Nh nuôi dưỡng; tạm thời không ai cấp dưỡng nuôi con. Ông T, bà Nhun tự thỏa thuận tài sản chung và xác định không có nợ chung.

Trong quá trình chung sống ông T, bà Nh thừa nhận hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Ông T, bà Nh xác định tình cảm không còn, không đồng ý hòa giải đoàn tụ mà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung.

Xét thấy ông T, bà Nh thực sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung; sự thỏa thuận của ông T, bà Nh đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ con, phù hợp với nguyện vọng của con chung; do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa chấp nhận đơn yêu cầu của ông T, bà Nh.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của bà Nguyễn Thị Tuyết Nh và ông Nguyễn Anh T.

- Về con chung: Giao con chung của bà Nguyễn Thị Tuyết Nh và ông Nguyễn Anh T là cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 19/5/2013 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 25/01/2015 cho bà Nh trực tiếp nuôi dưỡng; tạm thời không ai cấp dưỡng nuôi con.

Ông T, bà Nh có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: ông T, bà Nh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về nợ chung: ông T, bà Nh khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông T và bà Nh mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng lệ phí bà Nh, ông T đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 0000794 ngày 21/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa; bà Nh và ông T đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã X, huyện Th, tỉnh Đ;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Huệ